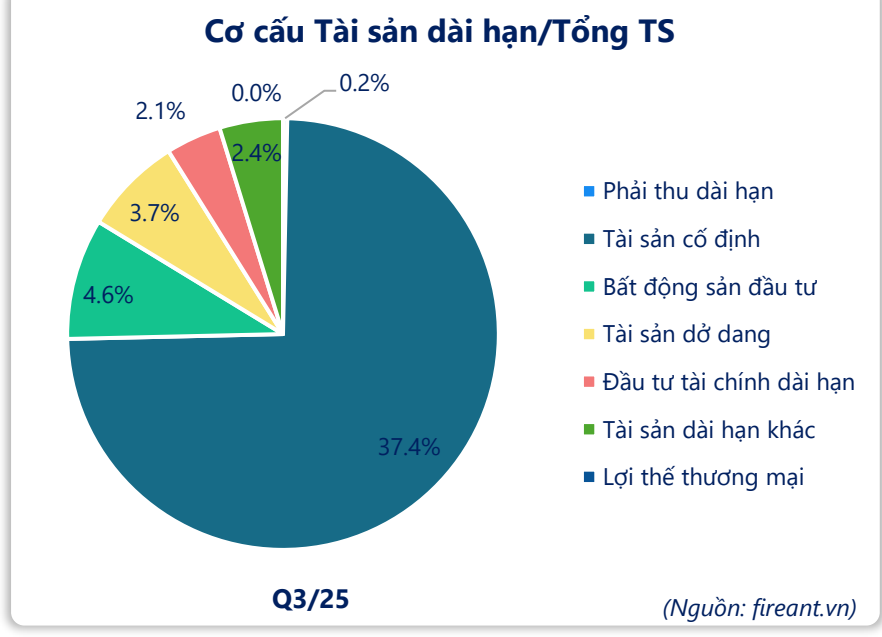
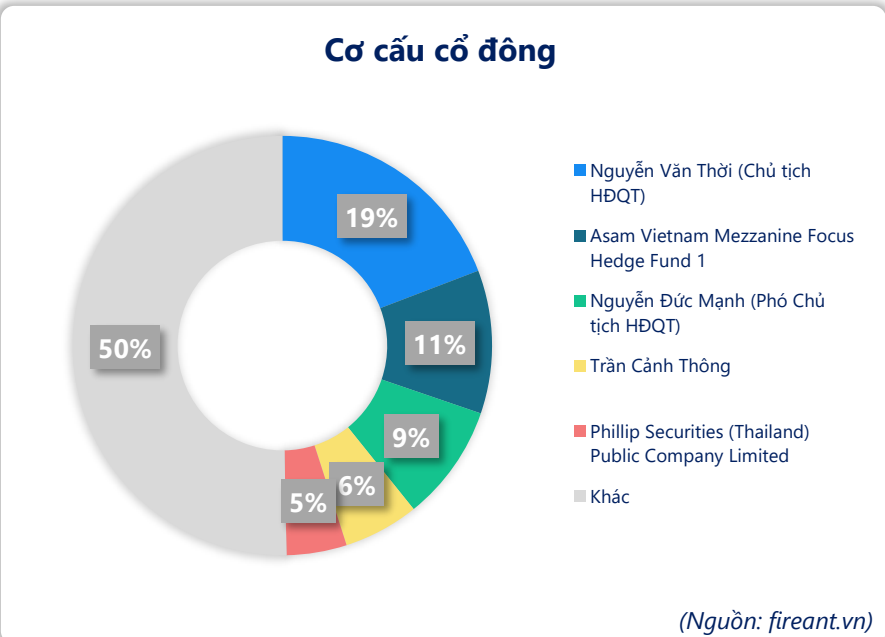
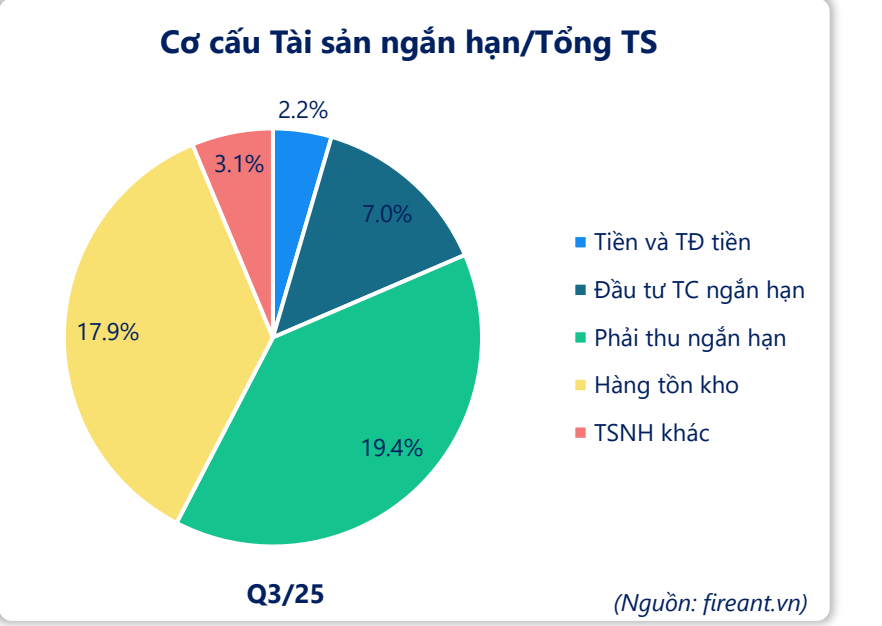
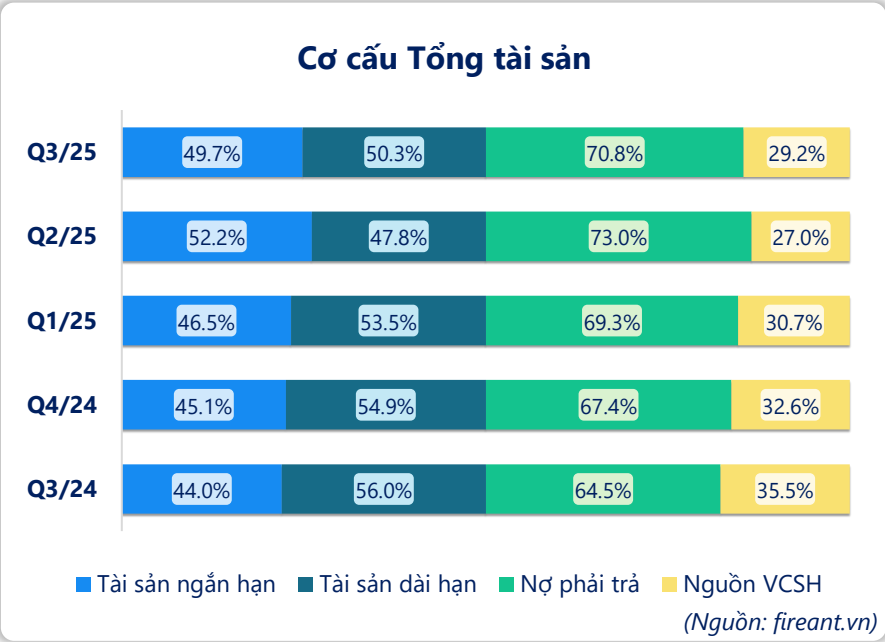
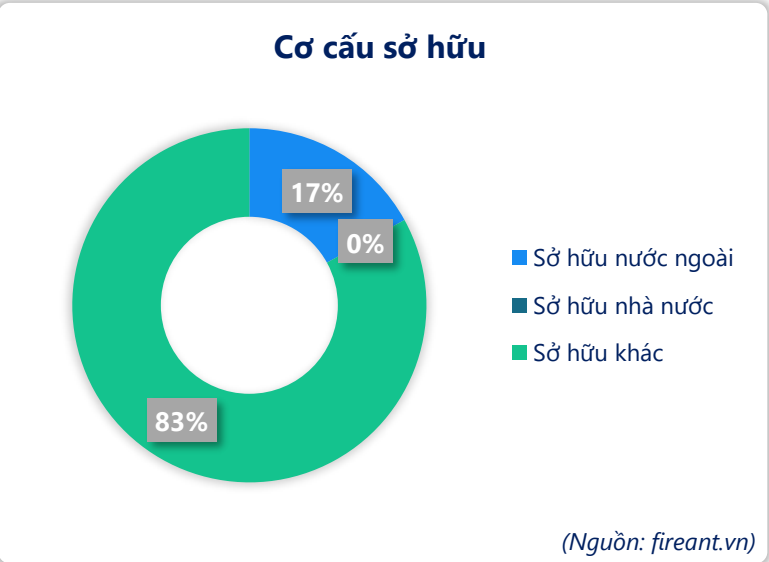
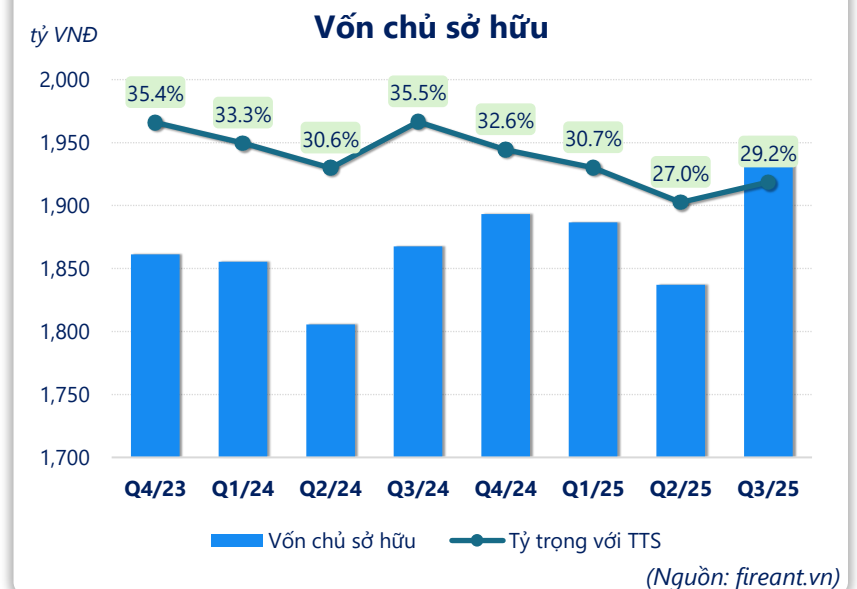
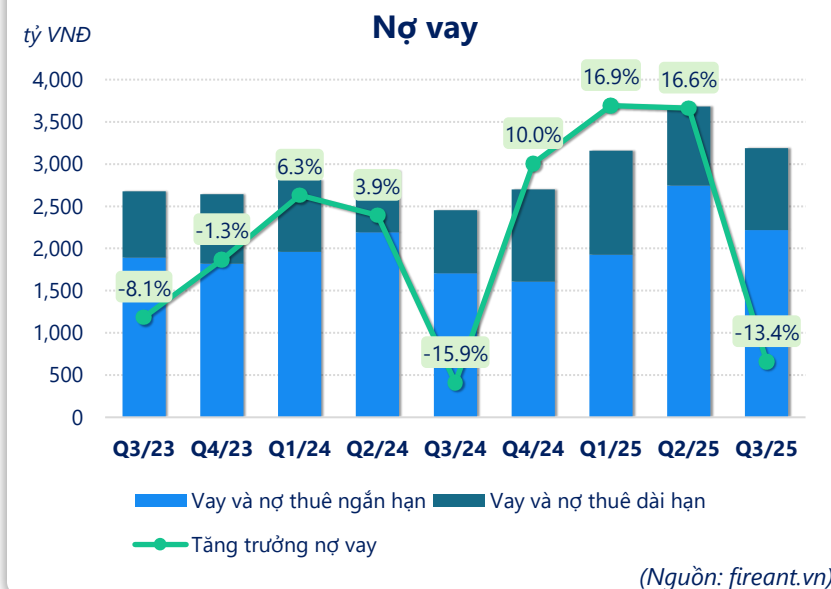
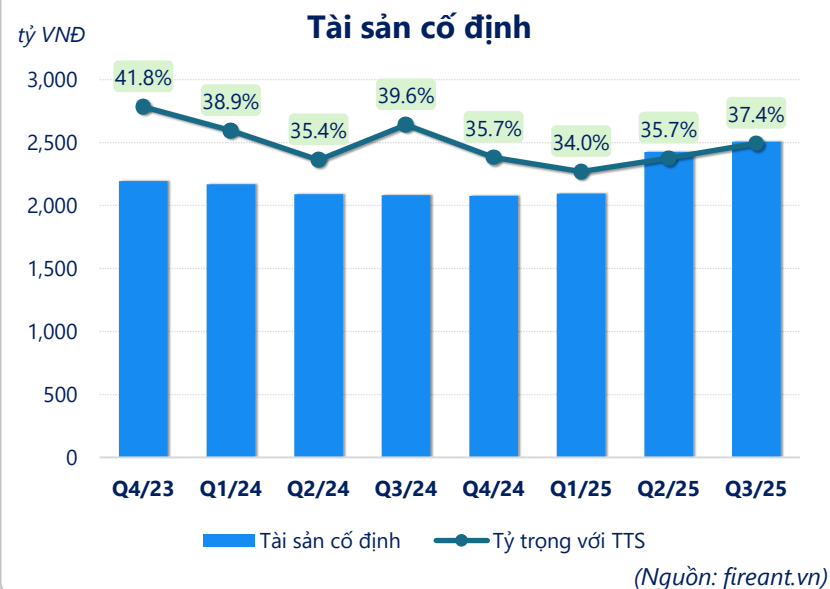
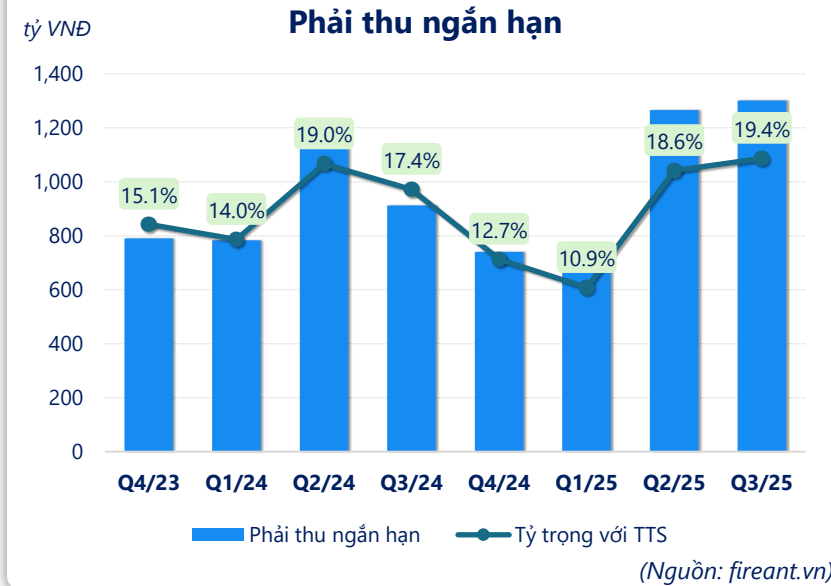
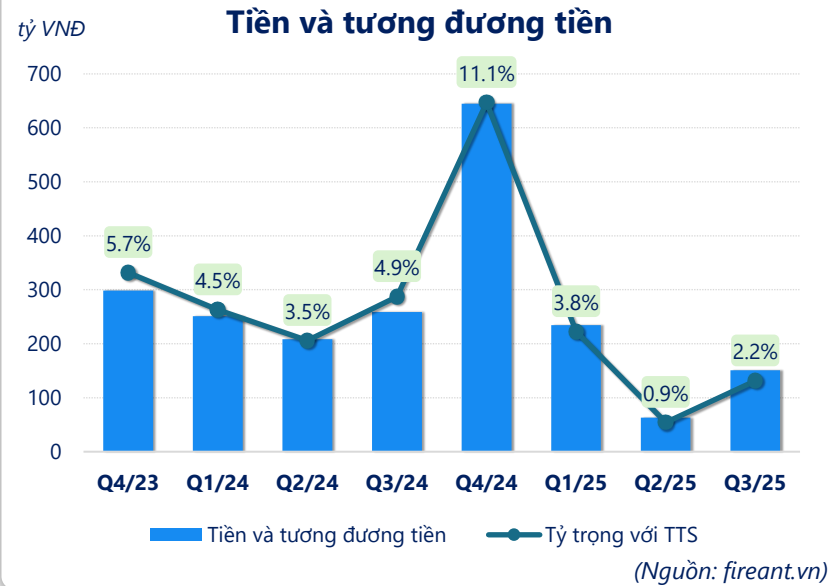
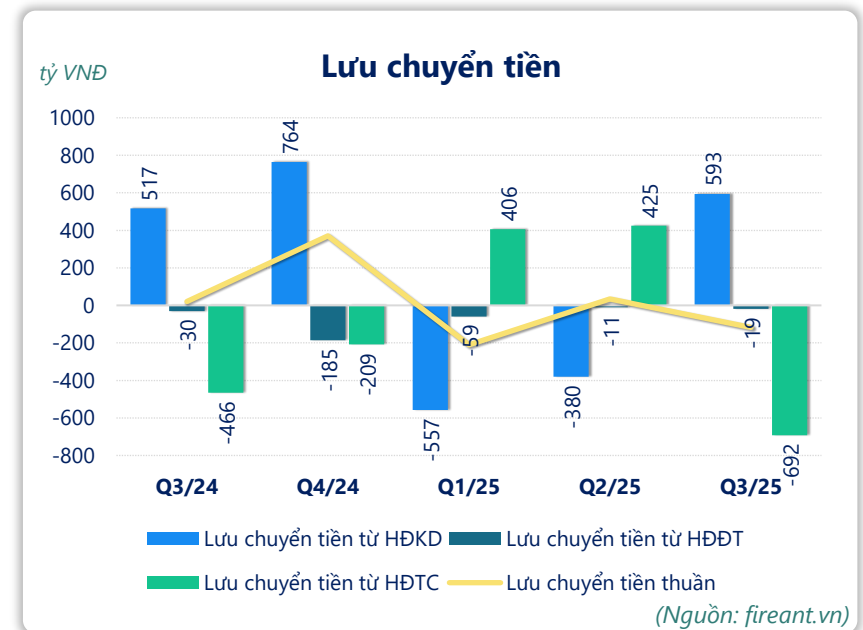
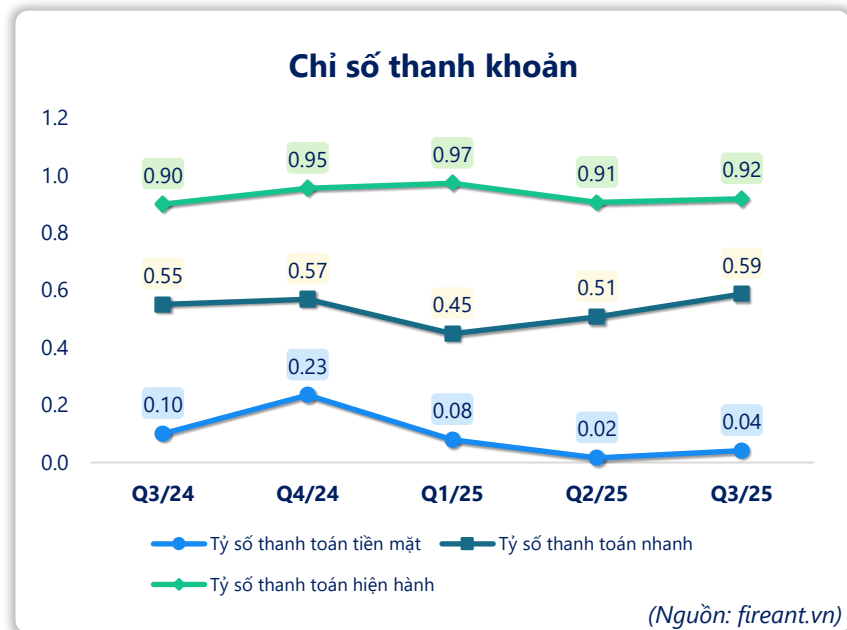
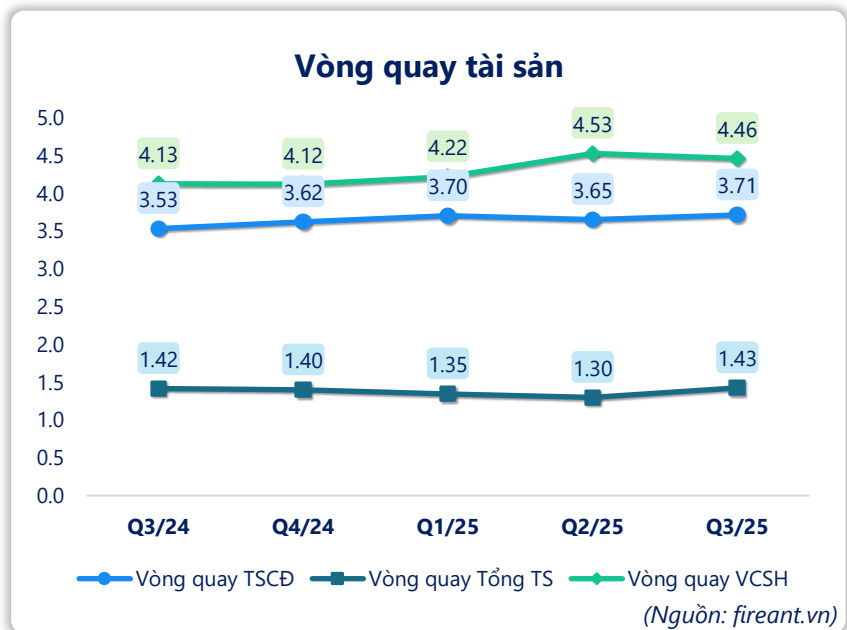
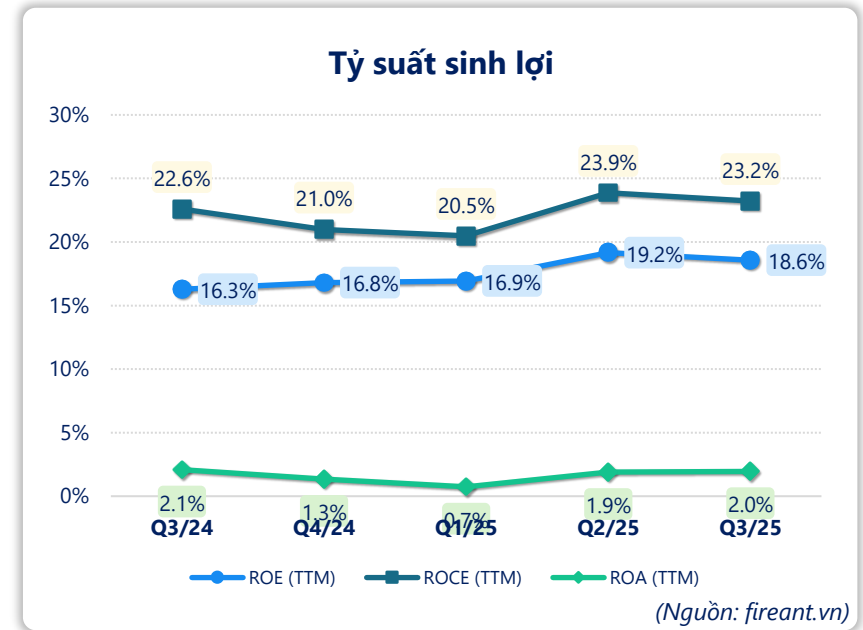
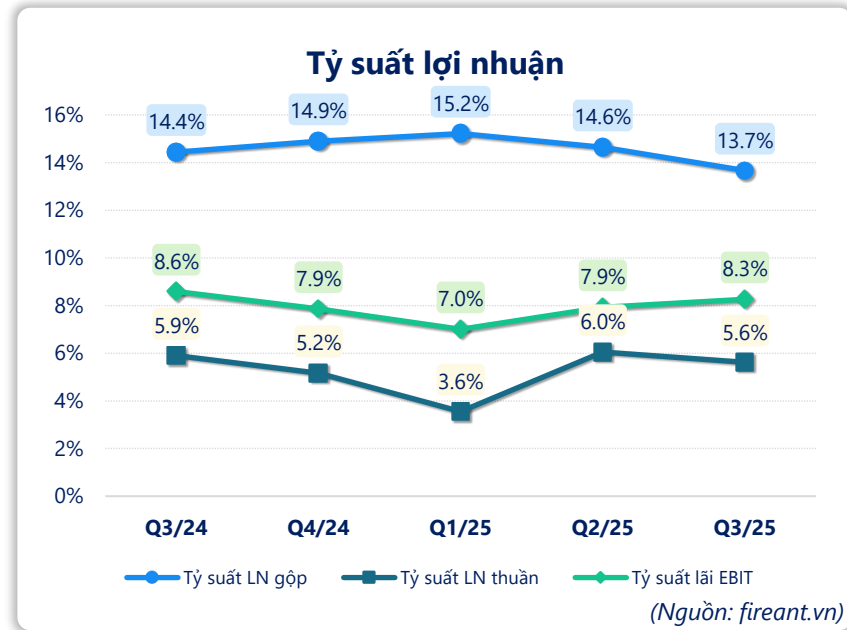
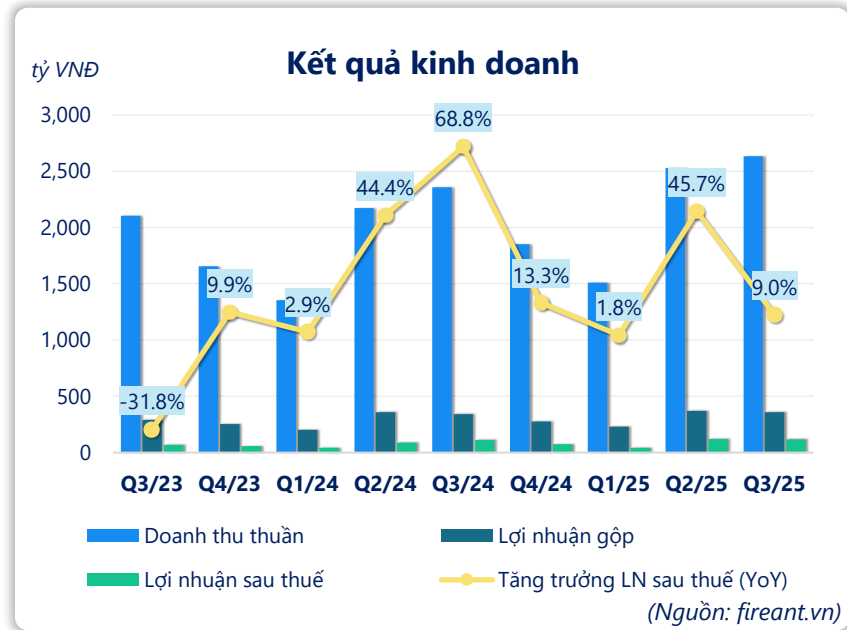


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,324
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,631
SL cổ phiếu LH		122,601,206
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,083,610
% sở hữu nước ngoài		17.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,440
P/E		6.9
EPS		2,895

	YTD	1T	3T	6T
TNG	-14.6%	0.5%	-4.7%	-3.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,702	5,817	15.2%
Tài sản ngắn hạn	3,328	2,638	26.2%
Tiền và tương đương tiền	151	445	-66.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	467	260	79.4%
Phải thu ngắn hạn	1,301	740	75.7%
Hàng tồn kho	1,201	1,074	11.8%
Tài sản ngắn hạn khác	209	118	76.7%
Tài sản dài hạn	3,374	3,179	6.1%
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	0.0%
Tài sản cố định	2,508	2,117	18.4%
Bất động sản đầu tư	306	300	1.9%
Tài sản dở dang	250	459	-45.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	140	140	0.0%
Tài sản dài hạn khác	160	152	5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,748	3,924	21.0%
Nợ ngắn hạn	3,627	2,751	31.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,218	1,607	38.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	804	777	3.6%
Nợ dài hạn	1,122	1,173	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	969	1,093	-11.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,954	1,892	3.3%
Vốn chủ sở hữu	1,954	1,892	3.3%
Vốn điều lệ	1,226	1,226	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,358	1,852	1,511	2,528	2,633
Giá vốn hàng bán	2,017	1,576	1,281	2,158	2,273
Lợi nhuận gộp	341	276	230	370	360
Doanh thu HĐTC	52.8	35.1	23.0	30.0	35.5
Chi phí TC	98.5	89.3	78.7	94.7	75.4
Chi phí lãi vay	64.5	55.0	52.4	50.4	71.3
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	36.9	21.7	14.6	28.8	34.9
Chi phí QLDN	119	104	106	124	137
LN thuần từ HĐKD	139	95.6	53.7	153	148
Lợi nhuận khác	-1.06	-5.16	-0.20	-2.91	-1.51
LN trước thuế	138	90.4	53.5	150	146
Lợi nhuận sau thuế	111	74.6	43.3	120	117
LNST của CĐ cty mẹ	111	74.6	43.3	120	117

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	517	764	-557	-380	593
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.1	-185	-59.4	-10.5	-18.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-466	-209	406	425	-692
Tiền đầu kỳ	238	259	445	234	268
Lưu chuyển tiền thuần	20.8	370	-210	33.7	-118
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.28	0	0.09	0
Tiền cuối kỳ	259	645	234	268	151

(Nguồn: fireant.vn)